

Mô hình trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục: kinh nghiệm Hàn Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam

Nguyễn Thị Phương Thảo*

Nhận ngày 3 tháng 8 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Tóm tắt: Xâm hại tình dục ở trẻ em đang là vấn nạn mang tính toàn cầu. Tương tự Việt Nam, vấn đề lạm dụng, xâm hại tình dục trẻ em ở Hàn Quốc là đề tài gây nhiều tranh cãi do đặc điểm văn hóa, xã hội ở nước này. Hệ thống Trung tâm Haebaragi là mô hình dịch vụ một cửa đầu tiên của Chính phủ Hàn Quốc nhằm cung cấp đầy đủ các dịch vụ về y tế, tham vấn, trị liệu tâm lý và pháp lý cho trẻ em, thanh thiếu niên bị xâm hại tình dục. Bài viết nhằm giới thiệu, đánh giá mô hình cùng những bài học kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc vận hành hệ thống Trung tâm Haebaragi, từ đó đưa ra những khuyến nghị về việc xây dựng mô hình trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục phù hợp ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Hàn Quốc, trợ giúp, trẻ em, Việt Nam, xâm hại tình dục.

Phân loại ngành: Công tác xã hội

Abstract: Child sexual abuse is a global problem. Similar to Vietnam, the issue of child sexual abuse in Korea is a controversial topic due to the cultural and social characteristics of this country. The Haebaragi Center system is the first one-stop service model of the Korean Government to provide a full range of medical, counseling, psychotherapy and legal services for children and adolescents who have been sexually abused. The article aims to introduce, evaluate the model and lessons learnt from Korea in operating the Haebaragi Center system, and based on that, proposes recommendations for building a suitable model to help children who have been sexually abused in Vietnam today.

Keywords: Korea, help, children, Vietnam, sexual abuse.

Subject classification: Social work

* Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.
Email: thao.nguyen@ou.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Lạm dụng và xâm hại tình dục ở trẻ em đang là vấn nạn mang tính toàn cầu. Theo Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), mỗi năm có hàng triệu trẻ em trên thế giới phải đối mặt với nạn bạo lực, lạm dụng tình dục trong gia đình, trường học và cộng đồng. Theo thống kê, cứ mỗi 10 người ở độ tuổi dưới 20 thì có một người bị cưỡng ép quan hệ hoặc tham gia vào hoạt động tình dục. Nghiêm trọng hơn, khoảng 90% số nạn nhân nữ cho biết họ bị lạm dụng bởi người thân hoặc người mà họ quen biết (UNICEF, 2021).

Hàn Quốc là một trong những nước có nền kinh tế phát triển nhanh nhất trên thế giới. Tuy nhiên, đây lại là một xã hội gia trưởng với tư tưởng Nho giáo sâu đậm nên có sự phân biệt giới rất rõ ràng, nơi những phụ nữ bị xâm hại tình dục thường bị đổ lỗi hoặc chỉ trích. Đặc biệt, vấn đề xâm hại tình dục trẻ em ở Hàn Quốc đã từng bị che giấu trong một thời gian dài do các nạn nhân không dám công khai cùng với sự thờ ơ của cộng đồng. Chỉ đến khi một loạt các vụ án xảy ra liên quan đến việc con gái giết chính cha của mình do bị cưỡng hiếp từ khi còn nhỏ, khi đó Chính phủ Hàn Quốc mới đề ra *Đạo luật đặc biệt về Xâm hại tình dục*, nhằm trừng phạt tội phạm xâm hại tình dục và bảo vệ các nạn nhân vào năm 1994 và một số luật liên quan sau đó (Woo KH, 2016).

Mặt khác, chính phủ Hàn Quốc cũng bắt đầu xây dựng các trung tâm tham vấn và cơ sở bảo trợ dành cho nạn nhân bị xâm hại tình dục. Tuy nhiên, các dịch vụ tham vấn, trị liệu dành cho trẻ bị xâm hại tình dục còn rất hạn chế. Không những thế, các bệnh viện cũng có xu hướng từ chối chẩn đoán, chữa trị cho các nạn nhân do không muốn phải viết lời chứng và tham gia phiên tòa do liên quan đến vụ án xâm hại tình dục. Mặt khác, việc cơ quan cảnh sát thiếu kỹ năng trợ giúp, lấy lời khai nhiều lần cũng khiến các nạn nhân bị thêm tổn thương (Woo KH, 2016).

Trước sức ép của dư luận và các chuyên gia, năm 2004, Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc đã quyết định thành lập một cơ quan chuyên môn mang tên Trung tâm Trẻ em Haebaragi¹ (nghĩa là “Hoa Hướng Dương”) nhằm cung cấp dịch vụ hỗ trợ một cửa dành cho trẻ bị xâm hại tình dục. Đây là cơ quan đầu tiên chuyên trợ giúp trẻ em là nạn nhân của tội phạm xâm hại tình dục ở Hàn Quốc. Trung tâm cung cấp đầy đủ mọi dịch vụ cần thiết, bao gồm tham vấn, hỗ trợ về y tế, tâm lý, pháp lý ở cùng một chỗ nhằm khắc phục điểm hạn chế của các tổ chức và cơ quan hiện hành là dịch vụ không đầy đủ, khiến nạn nhân phải đi nhiều nơi, gây bất tiện và chịu nhiều áp lực trong quá trình điều tra. Trung tâm Haebaragi sau đó đã phát triển thành một hệ thống trên toàn quốc và đóng vai trò rất quan trọng trong việc trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục ở Hàn Quốc với số lượng tiếp nhận hơn 20.000 nạn nhân mỗi năm (Yon H, 2016).

Ở Việt Nam, tình hình tội phạm xâm hại tình dục trẻ em đang có nhiều diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng trước nền kinh tế thị trường cùng sự phát triển chóng mặt của Internet (Huỳnh Thị Bích Phụng, 2020; UNICEF, 2021). Tuy nhiên, hiện chưa có nhiều

¹ Cơ quan này đã đổi tên thành Trung tâm trẻ em Haebaragi Seoul năm 2009 và Trung tâm Haebaragi Seoul (Trẻ em) năm 2015.

dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ các nạn nhân của loại hình tội phạm này. Công tác hỗ trợ trẻ bị xâm hại tình dục trong nước mới chỉ dừng lại ở việc thăm hỏi, động viên tinh thần và hỗ trợ tài chính theo chính sách do thiếu nguồn nhân lực chuyên môn và hệ thống pháp lý (Hải Vân, 2017; UNICEF, 2019). Thêm vào đó, những công trình nghiên cứu về mô hình trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục ở Việt Nam còn rất hạn chế. Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào việc nêu thực trạng xâm hại tình dục trẻ em (Lê Thị Linh Chi, 2007), giáo dục phòng chống xâm hại tình dục ở trẻ em (Nguyễn Xuân Huệ, 2012; Nguyễn Thị Thu Hằng, 2013), hoặc cách tiếp cận trong nghiên cứu hành vi xâm hại tình dục trẻ em (Trần Thị Cẩm Nhung, 2012). Bài viết giới thiệu, đánh giá mô hình và những bài học kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc vận hành hệ thống Trung tâm Haebaragi, từ đó đưa ra những khuyến nghị về việc xây dựng mô hình trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục phù hợp với tình hình thực tiễn ở Việt Nam.

2. Vấn đề xâm hại tình dục trẻ em

2.1. Khái niệm về xâm hại tình dục trẻ em

Theo Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc, “xâm hại tình dục trẻ em là mọi hành vi lôi kéo trẻ vào các hoạt động liên quan đến tình dục, mà trẻ không đủ khả năng (hoặc không hiểu), hoặc không đủ tâm thế để đưa ra quyết định đối với các hành vi này, hoặc các hành vi đó vi phạm đến luật pháp hay các giá trị văn hóa của cộng đồng sở tại”. Luật pháp Việt Nam có những quy định chặt chẽ về bảo vệ trẻ em trước nguy cơ bị bóc lột và xâm hại. Theo Luật Trẻ em số 102/2016/QH13, được Quốc hội khóa XIII kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 05 tháng 4 năm 2016 ghi rõ: xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức (Thư viện pháp luật, 2016).

Đặc biệt, tốc độ phát triển chóng mặt của Internet và các mạng xã hội trong thời gian gần đây đã làm dấy lên vấn nạn xâm hại tình dục trẻ em qua môi trường mạng. Đây được hiểu là “tất cả các hành vi mang tính chất khai thác tình dục đối với một đứa trẻ ở bất cứ thời điểm nào có liên quan đến môi trường trực tuyến. Nó thể hiện thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin để bóc lột tình dục hoặc khiến trẻ bị bóc lột tình dục, hoặc làm những tài liệu, hình ảnh tình dục để mua bán, sở hữu, phân phối và truyền tải trên môi trường mạng” (UNICEF, 2016, tr.15).

Xâm hại tình dục gây ra nhiều vấn đề về thể chất và tâm sinh lý cho trẻ như chấn thương cơ quan sinh dục, bệnh lây truyền qua đường tình dục, các triệu chứng rối loạn căng thẳng sau sang chấn (PTSD) như: trốn tránh, nhạy cảm quá mức, trầm cảm, giảm chú ý, rối loạn giấc ngủ, cảm giác tội lỗi, lo lắng, bất an, sợ người lạ, mất tự tin, và thậm chí dẫn đến ý định tự tử (Hall M & Hall J, 2011; Ruggiero KJ, McLeer SV, & Dixon JF, 2000).

2.2. Thực trạng xâm hại tình dục trẻ em

2.2.1. Ở Hàn Quốc

Theo Báo cáo phân tích xu hướng phát sinh tội phạm tình dục² đối với trẻ em, thanh thiếu niên do Viện Nghiên cứu Chính sách hình sự Hàn Quốc thực hiện năm 2020, số tội phạm tình dục đối với trẻ em, thanh thiếu niên bị tòa án kết tội năm 2019 là 2.753 người, giảm 14,5% so với năm 2018 (3.219 người); đồng thời số nạn nhân là trẻ em, thanh thiếu niên là 3.622 người, giảm 6,1% so với năm 2018 (3.859 người). Tuy nhiên, số nạn nhân của tội phạm tình dục sử dụng công nghệ cao³ lại tăng 19,3%. Mạng thông tin truyền thông như ứng dụng trò chuyện, mạng xã hội chiếm tới 90,5% tổng số các phương tiện mua bán dâm đối với trẻ em, thanh thiếu niên năm 2019 (Cha HI, 2021).

Trong số các nạn nhân bị xâm hại tình dục ở Hàn Quốc, số trẻ em dưới 13 tuổi chiếm tới 30,8% và tỷ lệ này có xu hướng tăng liên tiếp trong vòng bốn năm trở lại đây (tăng từ 23,6% năm 2016 lên 30,8% năm 2019). Về tội phạm tình dục, 60,4% là “người quen biết” (gia đình, họ hàng) đối với nạn nhân và 34,8% là “người lạ”. Đặc biệt, tội phạm sử dụng công nghệ cao cũng xảy ra nhiều nhất đối với các nạn nhân trong độ tuổi từ 13 đến 15 (Cha HI, 2021).

Theo kết quả phân tích tình trạng xâm hại tình dục trong trường học ở 17 tỉnh, thành của Hàn Quốc thì từ năm 2013 đến năm 2014, đã có 2.357 vụ xâm hại tình dục với 3,2 vụ trung bình mỗi ngày, xảy ra ở các trường tiểu học và trung học trên toàn quốc. Trong đó, tỷ lệ tội phạm tình dục xảy ra ở các trường trung học cơ sở cao hơn các trường trung học phổ thông. Điều đáng lo ngại là theo báo cáo này, đối tượng xâm hại là “học sinh” chiếm tới 85,7% (2.020 người), trong khi “giáo viên, nhân viên trường” và “người ngoài” chỉ chiếm lần lượt 7,6% (179 người) và 6,7% (158 người). Như vậy, vấn nạn xâm hại tình dục giữa các học sinh với nhau ở Hàn Quốc đã ở mức nghiêm trọng với 1.995 vụ xảy ra trong thời gian này. Về hình thức xâm hại, “cưỡng dâm” chiếm 50,1%, “quấy rối tình dục” chiếm 30,4% và “tấn công tình dục” chiếm 19,5% (국민리포터 아이엠피터, 2015). Việc “tấn công tình dục” chiếm gần 20% số vụ xâm hại tình dục, chứng tỏ đây không chỉ đơn thuần là vấn đề giữa các học sinh mà đã trở thành vấn đề tội phạm tình dục.

2.2.2. Ở Việt Nam

Tương tự Hàn Quốc, tình hình xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam cũng có diễn biến phức tạp và nghiêm trọng. Đặc biệt, trẻ em nghèo và trẻ em đường phố còn có nguy cơ bị xâm hại tình dục trong hoạt động du lịch (ECPAT International, 2008) theo sự gia tăng

² Tội phạm tình dục Hàn Quốc bao gồm tội xâm hại tình dục, tội mua bán dâm, tội phạm tình dục sử dụng công nghệ cao, tội vi phạm Luật Phúc lợi trẻ em.

³ Tội phạm này bao gồm hành vi quay, chụp lên thân thể người khác rồi phát tán hoặc đe dọa phát tán, lưu trữ, trưng bày; hành vi lạm dụng, xâm hại tình dục trên không gian mạng hoặc thông qua phương tiện truyền thông.

của số lượng khách du lịch nước ngoài. Theo thống kê từ năm 2015 đến năm 2019, cả nước đã phát hiện 8.709 trẻ bị xâm hại, trong đó số trẻ bị xâm hại tình dục chiếm 73,85% trên tổng số với 6.432 trẻ (Minh Tú, 2020).

Tuy nhiên, theo các chuyên gia, đây chỉ là “phần nổi của tảng băng chìm” vì còn rất nhiều vụ bị che giấu bởi nhiều lý do khác nhau như tâm lý sợ hãi, e ngại, xấu hổ (UNICEF, 2019), và công tác theo dõi, thống kê trẻ em bị xâm hại chưa được quan tâm đúng mức (Minh Tú, 2020). Theo báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố, mỗi năm trung bình có khoảng 1.000 trẻ em bị xâm hại tình dục được phát hiện trên toàn quốc (Lê Kiên, 2017). Đặc biệt, sự phát triển chóng mặt của Internet tại Việt Nam cũng khiến trẻ em phải đối mặt với mối nguy cơ mới trước sự gia tăng của các vụ lạm dụng, xâm hại tình dục trên môi trường mạng. Nghiêm trọng hơn, 93% đối tượng xâm hại là người trong gia đình, họ hàng và người quen biết với trẻ (Huỳnh Thị Bích Phụng, 2020), trong đó có nhiều đối tượng là giáo viên, nhân viên cơ sở giáo dục, cơ sở bảo trợ xã hội, cán bộ viên chức hoặc người cao tuổi. Trong khi đó, Việt Nam vẫn thiếu khung pháp lý bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức xâm hại tình dục cũng như các dịch vụ chăm sóc, hỗ trợ nạn nhân (UNICEF, 2019).

3. Mô hình Trung tâm Haebaragi

3.1. Nội dung hoạt động

Trung tâm Haebaragi cung cấp mọi dịch vụ cần thiết 24/24 cho trẻ em, thanh thiếu niên dưới 19 tuổi và trẻ bị khuyết tật trí tuệ bị xâm hại tình dục. Trung tâm không chỉ chẩn đoán, điều trị những tổn thương về mặt thể chất mà còn về tâm thần và trị liệu tâm lý cho nạn nhân cũng như gia đình nạn nhân, đồng thời cung cấp dịch vụ pháp lý như tư vấn luật, hỗ trợ điều tra.

Bảng 1: Hoạt động chính của Trung tâm Haebaragi

Hoạt động	Nội dung
Cung cấp dịch vụ y tế và tham vấn.	- Cấp cứu. - Điều trị vết thương ngoài do bị tấn công tình dục (bao gồm chẩn đoán mức độ thương tổn và thu thập chứng cứ). - Ưu tiên điều trị các nạn nhân có liên quan đến sức khỏe tâm thần và hợp tác điều trị với các cơ sở y tế lân cận có trang bị Khoa Tâm thần trẻ em để giảm thiểu thời gian chờ đợi ở bệnh viện uy thác. - Tham vấn, điều trị tâm lý cho gia đình nạn nhân. - Trị liệu tâm lý cho nạn nhân. - Cung cấp dịch vụ kèm theo cho nạn nhân.
Hỗ trợ trong quá trình điều tra và các dịch vụ	- Hỗ trợ công tác điều tra. + Ghi âm lời khai của nạn nhân trong quá trình điều tra (nếu cần).

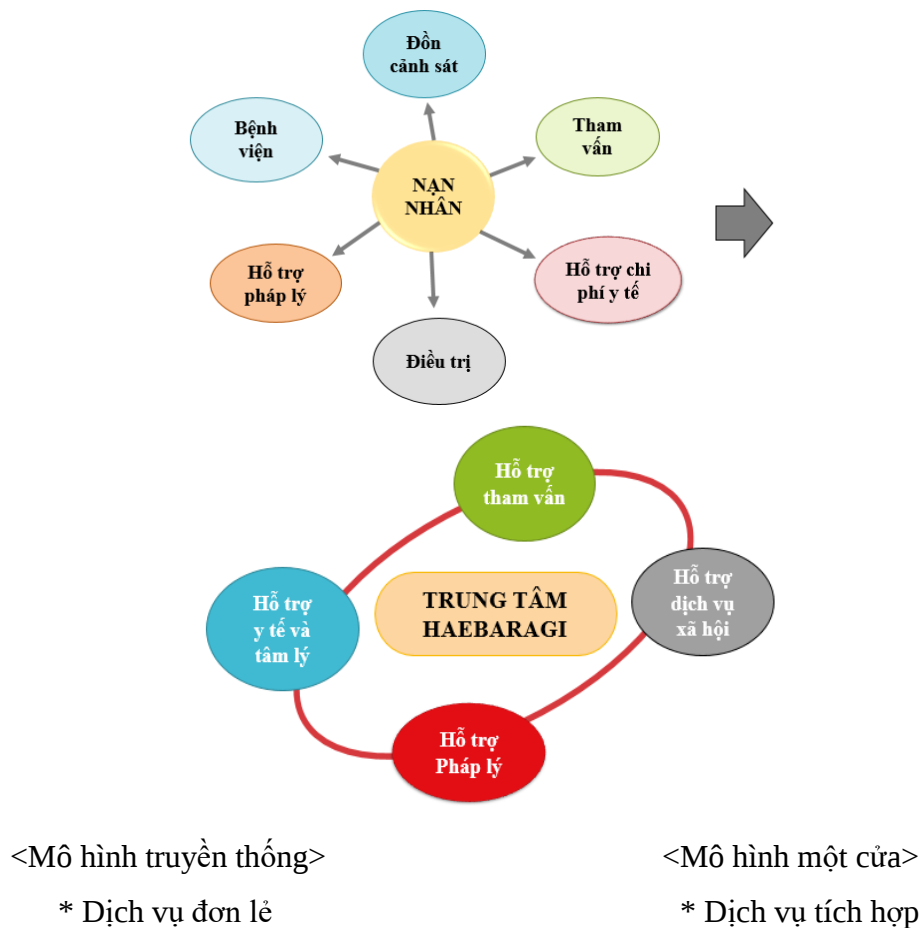
pháp lý khác.	+ Hợp tác với chuyên gia pháp y để thu thập chứng cứ. - Hỗ trợ thủ tục pháp lý cho nạn nhân.
Điều hành hệ thống tham vấn và cứu hộ khẩn cấp.	- Phát triển và điều hành hệ thống cứu hộ khẩn cấp với đường dây nóng cấp cứu dành cho phụ nữ (1366), các cơ quan bảo vệ trẻ em, Cơ quan Cảnh sát quốc gia...
Điều hành mạng lưới các nhóm chuyên gia để hỗ trợ nạn nhân.	- Nhóm chuyên gia bao gồm các chuyên viên y tế như: bác sĩ tâm thần trẻ em, bác sĩ phụ khoa, nhà tâm lý trẻ em, nhà nghiên cứu phúc lợi xã hội, luật sư, nhà tâm lý học lâm sàng, chuyên viên tham vấn về tội phạm xâm hại tình dục... - Thu thập con số thực tế và dữ liệu tổng hợp về các trường hợp.
Xây dựng mạng lưới hợp tác để bảo vệ nạn nhân.	- Xây dựng mạng lưới giữa các cơ quan tham vấn, bảo vệ trẻ em... để tăng cường bảo vệ các nạn nhân. - Xây dựng mạng lưới và dữ liệu về thông tin, nguồn lực ở cộng đồng địa phương.
Hoạt động khác.	- Nghiên cứu trường hợp, giáo dục, xây dựng phong trào để ngăn ngừa tội phạm xâm hại tình dục đối với trẻ em, thanh thiếu niên. - Cải thiện việc tiếp cận thông tin về Trung tâm Haebaragi (quảng bá). - Thành lập ban chỉ đạo riêng, bao gồm các chuyên gia bên ngoài để đóng góp ý kiến về những vấn đề chính liên quan đến việc điều hành Trung tâm.

Nguồn: Woo, 2016

Với mô hình Trung tâm Haebaragi, Hàn Quốc điều trị khẩn cấp hoặc chẩn đoán cho các nạn nhân dưới sự liên kết với các bệnh viện nhi trong khu vực, hỗ trợ lấy lời khai với các chuyên gia giàu kinh nghiệm và có kiến thức sâu rộng về tâm lý trẻ em, lập các nhóm chuyên gia, xây dựng một hệ thống hợp tác chặt chẽ với các tổ chức, cơ quan liên quan khác. Năm 2004, hệ thống bệnh viện Đại học Yonsei (YUHS) đã được lựa chọn là cơ quan y tế ủy thác đầu tiên chuyên điều trị cho trẻ em bị xâm hại tình dục ở Hàn Quốc. YUHS đã xây dựng một mạng lưới hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức liên quan để cung cấp những dịch vụ y tế cho trẻ em bị xâm hại tình dục dưới 13 tuổi⁴. Hệ thống bệnh viện này vốn đã thành lập một nhóm Phòng ngừa Bạo hành trẻ em trước đó có trên 10 năm kinh nghiệm tiếp nhận, điều trị cho trẻ bị xâm hại tình dục (Woo KH, 2016). Nếu như trước đây, các nạn nhân phải đi tìm sự hỗ trợ ở nhiều nơi khác nhau như bệnh viện, đồn cảnh sát, trung tâm tham vấn thì nay đã có thể nhận được mọi dịch vụ cần thiết một cách nhanh chóng, thuận tiện tại Trung tâm Haebaragi.

⁴ Dịch vụ được mở rộng với trẻ em, thanh thiếu niên dưới 19 tuổi kể từ năm 2012.

Hình 1: Sự chuyển đổi sang hệ thống trợ giúp một cửa

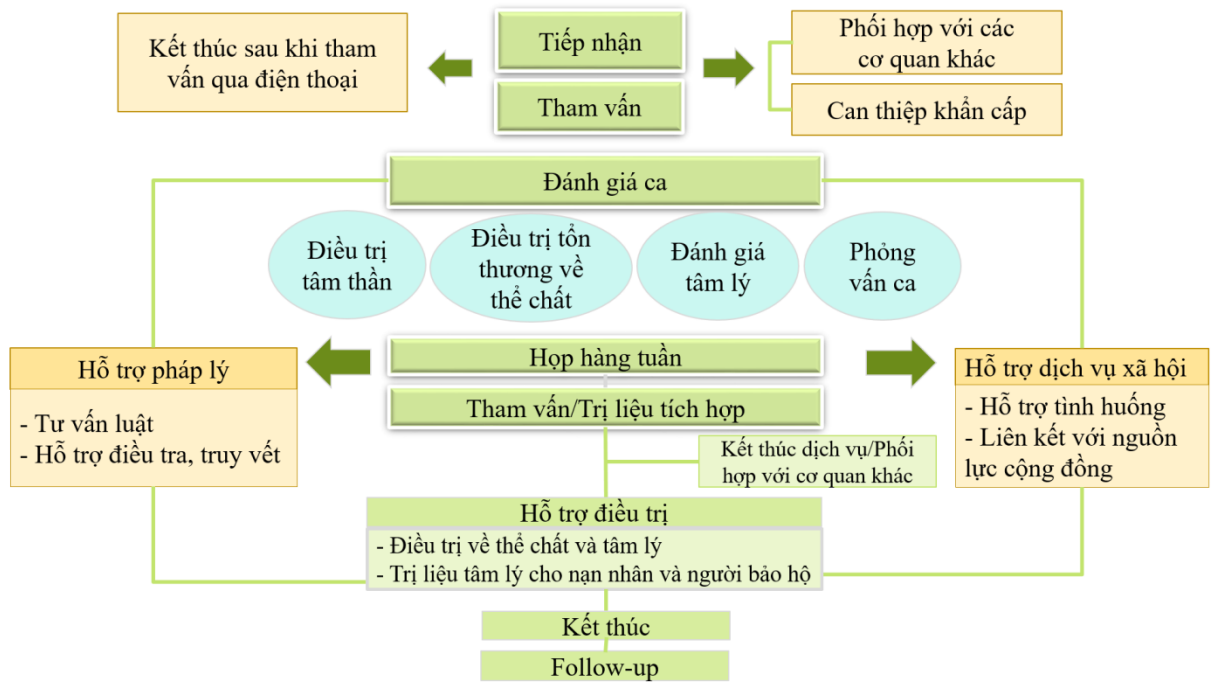


Nguồn: Woo, 2016

3.2. Quy trình hỗ trợ

Quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục của Trung tâm Haebaragi được mô phỏng như Hình 2. Theo mô hình này, khi nạn nhân hoặc người bảo hộ gọi điện đến Trung tâm nhờ giúp đỡ, Trung tâm sẽ đánh giá nguy cơ và quyết định cần phải can thiệp khẩn cấp (về thể chất, tâm lý, hoặc môi trường sống) hay không. Nếu vụ việc mới xảy ra trong vòng 72 giờ đồng hồ, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp về thể chất. Nếu nạn nhân muốn tự tử hoặc bộc lộ hành vi gây hấn do tổn thương nghiêm trọng, họ được hướng dẫn đến Trung tâm hoặc bệnh viện ủy quyền ngay lập tức. Nếu người bảo hộ có tâm lý bất ổn do rối loạn căng thẳng sau sang chấn hoặc cảm giác tội lỗi, họ cũng được hướng dẫn tới Trung tâm ngay để được tham vấn. Trong trường hợp nạn nhân đang chung sống với chính người có hành vi xâm hại, Trung tâm sẽ tạm thời cách ly và phối hợp với các cơ quan, tổ chức bảo vệ trẻ em hoặc nhà tạm lánh để bố trí chỗ ở an toàn cho trẻ (Woo KH, 2016).

Hình 2: Quy trình trợ giúp nạn nhân bị xâm hại tình dục của Trung tâm Haebaragi



Nguồn: Woo (2016)

Trong các trường hợp không khẩn cấp, nạn nhân và người bảo hộ được hướng dẫn đến Trung tâm. Tại đây, họ được phỏng vấn bởi một tham vấn viên và gặp gỡ bác sĩ tâm thần, người sẽ đánh giá xem họ có cần nhập viện hoặc điều trị sang chấn tâm lý hay không. Tiếp đó, Trung tâm hẹn họ đến vào một buổi khác để đánh giá tâm lý.

Sau khi thực hiện phỏng vấn và đánh giá tâm lý, Trung tâm sẽ thảo luận, đánh giá kĩ lưỡng về ca tham vấn thông qua buổi họp hàng tuần giữa các chuyên gia để đưa ra hướng can thiệp, trợ giúp phù hợp đối với nạn nhân và gia đình. Từ đó, nhóm chuyên gia xây dựng kế hoạch hỗ trợ một cách chi tiết và hệ thống về pháp lý và dịch vụ xã hội. Dựa vào kết quả cuộc họp, bác sĩ tâm lý sẽ giải thích về trạng thái tinh thần của đứa trẻ và hướng điều trị cho người bảo hộ, đồng thời hướng dẫn họ cách ứng phó với vấn đề của trẻ. Nếu vụ việc không nghiêm trọng, Trung tâm có thể kết thúc ca tham vấn sau khi hướng dẫn những biện pháp cần thiết cho người bảo hộ.

Trong trường hợp khác, Trung tâm có thể tiến hành trị liệu tâm lý cho nạn nhân và người bảo hộ (nếu cần) để làm giảm hậu quả và chữa trị những rối loạn cảm xúc do bị xâm hại tình dục. Việc kết thúc trị liệu được quyết định dựa trên sự thảo luận với nạn nhân và gia đình. Nếu kết thúc, Trung tâm sẽ đánh giá toàn bộ kết quả về việc điều trị, hỗ trợ pháp lý và bàn thảo kế hoạch kết thúc trong cuộc họp hàng tuần. Các chuyên gia sẽ xem xét, đánh giá những điểm yếu, điểm mạnh của nạn nhân, những nguồn lực cần kết nối để ngăn ngừa vụ việc tái diễn, đồng thời thảo luận hướng quản lý ca. Trong toàn bộ quá trình

trợ giúp đó, nhân viên quản lý ca của Trung tâm sẽ liên tục theo dõi kết quả đánh giá, điều trị, hỗ trợ pháp lý, nhu cầu của nạn nhân và gia đình, và kiểm tra tiến trình hoàn thành mục tiêu hỗ trợ. Sau khi kết thúc dịch vụ, nhân viên quản lý ca vẫn tiếp tục theo dõi, đánh giá thông qua việc tham vấn qua điện thoại. Nếu thấy nạn nhân gặp khó khăn trong việc hòa nhập cộng đồng, nhân viên này sẽ hướng dẫn họ tới Trung tâm để được nhận hỗ trợ.

3.3. Yếu tố thành công

Với hệ thống dịch vụ trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục như trên, Trung tâm Haebearagi được coi là một mô hình khá thành công ở Hàn Quốc nhờ một vài yếu tố chính sau:

Thứ nhất, nhờ mạng lưới kết nối với nguồn lực bên ngoài. Dưới hình thức ký hợp đồng với cơ sở y tế phù hợp và hợp tác tích cực với cơ quan cảnh sát, các chuyên gia, tổ chức xã hội, Trung tâm Haebearagi đã huy động được nhiều nguồn lực khác nhau trong xã hội tham gia vào việc trợ giúp các nạn nhân. Việc cung cấp dịch vụ mang tính cộng tác và chuyên nghiệp bởi các chuyên gia trong Trung tâm đã góp phần làm giảm nguy cơ bị tổn thương và đáp ứng nhu cầu của các nạn nhân. Thêm vào đó, nó cũng giúp thay đổi tư duy của những người cung cấp dịch vụ khi họ tiếp xúc trực tiếp với các nạn nhân, từ đó đem lại các dịch vụ hiệu quả hơn (UNDP, 2019).

Thứ hai, yếu tố thuận tiện trong sử dụng. Văn phòng của Trung tâm Haebearagi cách hệ thống bệnh viện Trường Đại học Yonsei chỉ 10 phút đi lại bằng xe ô tô nên có thể cung cấp dịch vụ y tế một cách nhanh chóng, thuận tiện cho các nạn nhân. Lý do khiến Trung tâm đặt văn phòng ở bên ngoài bệnh viện là để trẻ không cảm thấy sợ hãi hoặc áp lực như khi ở trong bệnh viện (Woo KH, 2016).

Thứ ba, nhờ không gian thân thiện với người sử dụng. Trung tâm rộng hơn 600m², được trang bị bởi một phòng chờ cho trẻ em, phòng chờ cho người bảo hộ, phòng tham vấn, phòng họp, phòng trị liệu tâm lý, phòng trị liệu nghệ thuật, phòng trị liệu trò chơi, phòng ghi lời khai, phòng tư vấn, phòng điều dưỡng, phòng cho giám đốc và phó giám đốc, phòng giới thiệu và không gian phụ trợ của Trung tâm. Văn phòng được trang trí bởi màu sắc và các vật dụng thân thiện với trẻ em nên tạo được sự thoải mái với người sử dụng. Trung tâm trang bị đồ chơi và dụng cụ dạy học ở phòng chờ dành cho trẻ em, trưng bày sách ở cửa ra vào, có các phòng tham vấn, phòng trị liệu với không gian rộng để tạo sự thoải mái cho trẻ (Woo KH, 2016).

3.4. Khó khăn và thách thức

Bên cạnh những thành công trong việc hỗ trợ các nạn nhân bị xâm hại tình dục, Trung tâm Haebearagi cũng gặp không ít những khó khăn và thách thức trong quá trình hoạt động, đặc biệt là khó khăn về tài chính. Trung tâm Haebearagi hoạt động hoàn toàn từ ngân sách nhà nước với 50% vốn trung ương và 50% vốn địa phương (chính quyền thành phố Seoul).

Kế hoạch ngân sách hàng năm được chính quyền thành phố Seoul đề xuất lên Bộ Bình đẳng giới và Gia đình Hàn Quốc để xin cấp phép. Ngân sách dành cho Trung tâm bao gồm chi phí điều hành (về nhân sự, dự án, cơ sở trang thiết bị...), chi phí cho dịch vụ bổ sung⁵, chi phí phụ thêm⁶ dành cho nạn nhân, Quỹ dịch vụ chăm sóc⁷ và chi phí y tế, điều dưỡng. Ngân sách này được phân bổ và thực hiện dựa trên nguồn vốn được cấp phép, trong đó chi phí y tế và điều dưỡng được hỗ trợ một phần bởi chính quyền địa phương (Woo KH, 2016).

Trung tâm chi trả chi phí y tế và điều dưỡng cho nơi mà nạn nhân nhận điều trị về thể chất và tâm lý. Chi phí y tế này bao gồm phí điều trị, thử thai, nạo thai, xét nghiệm bệnh xã hội, điều trị tâm lý, chi phí hành chính, và phí điều dưỡng (khi gia đình không đủ khả năng chăm sóc bệnh nhân). Chi phí y tế và điều dưỡng dành cho nạn nhân bị xâm hại tình dục được hỗ trợ bởi chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, với tỉ lệ hỗ trợ phụ thuộc vào chính quyền địa phương (như trường hợp Seoul thì tỉ lệ này là 50% đối với mỗi bên) (Woo KH, 2016).

Một Trung tâm Haebaregi trung bình mất khoảng 600 đến 700 triệu won (tương đương khoảng 527 nghìn đến 615 nghìn đô la Mỹ)⁸ mỗi năm để duy trì hoạt động. Tuy nhiên, với khoản ngân sách được phân bổ như hiện tại, các trung tâm này đang gặp nhiều khó khăn trong việc thuê chuyên gia về tâm lý và các lĩnh vực khác. Sự thiếu hụt về tài chính dẫn đến sự thiếu hụt nhân lực và điều kiện làm việc khó khăn (công việc quá tải, lương thấp, môi trường làm việc nghèo nàn). Điều này cũng làm tăng nguy cơ bỏ việc của các nhân viên trong Trung tâm (Jeon JS, Sim HS & Shin SA, 2014, tr.505-537), dẫn đến nhiều cơ sở phải đóng cửa vì thiếu nguồn nhân lực như: cơ sở tại bệnh viện Trường Đại học Dong - A ở Busan, cơ sở tỉnh Gyeonggi (dừng sau 7 năm hoạt động), hay hai cơ sở ở thủ đô Seoul trong thời gian gần đây (Moon YS & Lee YM, 2021).

Đồng thời, thiếu hụt ngân sách cũng là nguyên nhân khiến một số cơ sở không thể duy trì hoặc bổ sung các loại hình dịch vụ trợ giúp như: tham vấn nhóm, quản lý ca, tập huấn, đào tạo nghề, hỗ trợ gia đình, hỗ trợ tài chính (Jeon JS, Sim HS & Shin SA, 2014). Tuy đến nay đã có 39 Trung tâm Haebaregi được thành lập trên toàn Hàn Quốc, nhưng chỉ có hơn 10 cơ sở cung cấp đầy đủ các dịch vụ trợ giúp. Điều này cũng gây ra khó khăn trong việc tiếp cận đối với nhiều người dân. Hiện nay, Bộ Gia đình và Phụ nữ Hàn Quốc đang nỗ lực phối hợp với các bộ, ngành liên quan để tăng ngân sách hỗ trợ, giúp các cơ sở Trung tâm Haebaregi vận hành được tốt hơn.

⁵ Dịch vụ bổ sung dành cho các nạn nhân gặp khó khăn trong việc sử dụng các loại hình dịch vụ (tham vấn, hỗ trợ tâm lý, tư pháp...) do hoàn cảnh như: trẻ trong gia đình đơn thân hoặc cha mẹ cùng đi làm, được ông bà nuôi dưỡng, cũng như trẻ dưới 13 tuổi hoặc bị khuyết tật trí tuệ. Chi phí cho dịch vụ bổ sung được dùng để chi trả cho nhân viên toàn thời gian cung cấp dịch vụ bổ sung, cộng tác viên và các chi phí khác.

⁶ Chi phí phụ thêm dành cho nạn nhân được chi trả cho quần áo, thực phẩm, phí đi lại và đồ ăn nhẹ.

⁷ Quỹ dành cho dịch vụ chăm sóc được phân bổ riêng để chi trả cho các nạn nhân mà gia đình họ không có khả năng chăm sóc. Việc bồi thường dành cho trẻ dưới 13 tuổi, con của nạn nhân dưới 13 tuổi, nạn nhân khuyết tật trong mọi độ tuổi mà gia đình không có khả năng chăm sóc.

⁸ Theo tỉ giá hối đoái ngày 23 tháng 06 năm 2021 trên trang Naver.

4. Kết luận và khuyến nghị

Như vậy, hệ thống Trung tâm Haebaragi tuy có một số khó khăn và hạn chế nhất định, nhưng vẫn được coi là một mô hình trợ giúp hiệu quả đối với trẻ em bị xâm hại tình dục ở Hàn Quốc. Thông qua việc giới thiệu, phân tích mô hình của Hàn Quốc, tác giả rút ra một số khuyến nghị cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần nâng cao nhận thức của cộng đồng về tội xâm hại tình dục trẻ em, chăm sóc, bảo vệ trẻ em khỏi hành vi xâm hại tình dục. Trước thực trạng chỉ 1% trẻ em gái vị thành niên bị xâm hại tình dục tìm đến các dịch vụ trợ giúp chuyên môn do tâm lý e ngại, xấu hổ, sợ hãi (UNICEF, 2017), thì việc nâng cao ý thức cộng đồng là vô cùng quan trọng và cần thiết. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức, kỹ năng của các chuyên gia, cán bộ thực thi pháp luật liên quan đến việc bảo vệ, trợ giúp trẻ bị xâm hại tình dục cũng rất quan trọng để làm giảm tâm lý tiêu cực cho các nạn nhân.

Thứ hai, Nhà nước và các tổ chức xã hội nên mở rộng và chuyên môn hóa các cơ sở hỗ trợ cho trẻ em, phụ nữ bị xâm hại tình dục. Trong thời gian qua, Chính phủ đã thành lập thêm nhiều cơ quan, ban ngành, cơ sở xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt với sự đóng góp lớn của ngành công tác xã hội (Huỳnh Thị Bích Phụng, 2020). Tuy nhiên, việc chăm sóc trẻ bị xâm hại tình dục ở những nơi này chưa được thực hiện nghiêm túc và thiếu tính chuyên môn. Có những trường hợp bị xâm hại phải ở “ghép” cùng với người thân trong trung tâm bảo trợ xã hội (Thu Hằng, 2019). Bên cạnh cơ quan nhà nước, một số tổ chức tự phát cũng tiếp nhận và cung cấp nơi ăn, chốn ở cho những phụ nữ, trẻ em bị bạo hành, người già neo đơn... nhưng không thể đảm bảo an toàn tuyệt đối cũng như hỗ trợ các thủ tục pháp lý, tư vấn tâm lý, sức khỏe cho các nạn nhân (Đặng Thị Hồng Vân, 2019).

Thứ ba, Việt Nam nên từng bước xây dựng những trung tâm “một cửa” như hệ thống Haebaragi của Hàn Quốc để cung cấp đầy đủ các dịch vụ bảo vệ, trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục trên cơ sở phối hợp liên ngành (y tế, tư pháp, công tác xã hội...). Để khắc phục khó khăn tài chính như mô hình Hàn Quốc, Việt Nam có thể vận động, xây dựng nguồn vốn từ nhiều nguồn lực khác nhau trong xã hội chứ không chỉ bằng ngân sách Nhà nước.

Hiện nay, ở Việt Nam, cũng có nơi hoạt động theo mô hình tương tự như Trung tâm Haebaragi là Mái ấm Hoa Hồng nhỏ, đơn vị trực thuộc Hội Bảo trợ Trẻ em Tp. Hồ Chí Minh. Đây là một trong rất ít những cơ sở xã hội tiêu biểu, tiên phong trong việc chăm sóc, trợ giúp trẻ em nữ có nguy cơ cao hoặc bị xâm hại tình dục. Ở đây, các em được nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, phục hồi tâm lý, học chữ, học nghề, học kỹ năng sống, tìm kiếm việc làm, và được tạo điều kiện hội nhập gia đình, cộng đồng. Mái ấm còn duy trì mối quan hệ hợp tác với chính quyền địa phương và xây dựng mạng lưới cộng tác viên nhằm ngăn chặn tệ nạn xâm hại tình dục. Tuy nhiên, việc điều hành và tổ chức hoạt động của Mái ấm Hoa Hồng nhỏ cũng đang bị hạn chế do thiếu nguồn tài chính. Do vậy, Chính phủ nên hỗ trợ cải thiện và mở rộng những mô hình trợ giúp như thế này để nâng cao hiệu quả trong việc bảo vệ, chăm sóc trẻ bị xâm hại tình dục.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Linh Chi (2007), “Nhận thức, hành vi của trẻ em đường phố đối với những nguy cơ và hành vi xâm hại tình dục trẻ em (Qua khảo sát tại Huế và Hà Nội)”, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Huệ (2012), “Khảo sát thực trạng nhận thức về giáo dục giới tính của học sinh lớp 9 tại một số trường trung học cơ sở ở quận 11, Tp. Hồ Chí Minh”, Tạp chí *Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*, số 39.
3. Nguyễn Thị Thu Hằng (2013), “Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam (qua các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học)”, Luận án tiến sĩ, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Trần Thị Cẩm Nhung (2012), “Một số cách tiếp cận nghiên cứu xâm hại tình dục trẻ em qua các nghiên cứu nước ngoài”, Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 6.
5. Jeon JS, Sim HS & Shin SA (2014), 성폭력 피해자 지원체계 및 서비스 실태와 개선방안: 성폭력 상담소 및 보호시설 종사자를 중심으로. *Health and Social Welfare Review*, 34(3).
6. Ruggiero KJ, McLeer SV, & Dixon JF (2000), Sexual abuse characteristics associated with survivor psychopathology. *Child Abuse Neglect*, 24(7).
7. UNDP (2019), *One-Stop Service Mechanism for GBV Survivors: Experience from Korea's Sunflower Centers*, UNDP Seoul Policy Centre, Republic of Korea.
8. Woo KH (2016), *Knowledge Sharing on Korea's Development in Women's Policies - One-Stop Service for Sexual Violence Victims in Korea: The Case of Seoul Sunflower Center (Children)*, Korean Women's Development Institute (KWDI), Seoul.
9. Thu Hằng (2019), “Có trẻ bị xâm hại khi vào trung tâm bảo trợ phải ở “ghép” với người tâm thần”, <https://thanhnien.vn/thoi-su/co-tre-bi-xam-hai-khi-vao-trung-tam-bao-tro-phai-o-ghiep-voi-nguoi-tam-than-1156394.html>, truy cập ngày 25/6/2021.
10. Hội Bảo trợ trẻ em Tp. Hồ Chí Minh (2021), “Mái ấm Hoa Hồng nhỏ: câu chuyện của chúng ta”, <https://hcwa.org.vn/mai-am-hoa-hong-nho/>, truy cập ngày 27/6/2021.
11. Lê Kiên (2017), “Phát hiện hơn 1.000 trẻ bị xâm hại tình dục mỗi năm”, <https://tuoitre.vn/phat-hien-hon-1000-tre-bi-xam-hai-tinh-duc-moi-nam-1287416.htm>, truy cập ngày 27/6/2021.
12. Huỳnh Thị Bích Phụng (2020), “Công tác xã hội đối với trẻ em bị xâm hại tình dục tại Mái ấm Hoa Hồng nhỏ, Tp. Hồ Chí Minh”, <http://ukh.edu.vn/gioi-thieu/Khoa/khoa-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/chi-tiet-khoa-khoa-hoc-xa-hoi-va-nhan-van/id/2340/Cong-tac-xa-hoi-doi-voi-tre-em-bi-xam-hai-tinh-duc-tai-Mai-am-Hoa-Hong-Nho-thanh-pho-Ho-Chi-Minh->, truy cập ngày 13/04/2021.
13. Minh Tú (2020), “Mỗi ngày trung bình có 7 trẻ em bị xâm hại tại Việt Nam”, <https://kiemsat.vn/moi-ngay-trung-binh-co-7-tre-em-bi-xam-hai-tai-viet-nam-57379.html>, truy cập ngày 25/06/2021.
14. Thư viện pháp luật (2016), *Luật Trẻ em*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx>, truy cập ngày 15/04/2021.
15. Đặng Thị Hồng Vân (2019), “Nhà tạm lánh cho phụ nữ, trẻ em bị xâm hại, bạo hành: chờ đến bao giờ?”, <https://www.phunuonline.com.vn/nha-tam-lanh-cho-phu-nu-tre-em-bi-xam-hai-bao-hanh-cho-den-bao-gio-a1397779.html>, truy cập ngày 25/6/2021.

16. Hải Vân (2017), “Hỗ trợ tâm lý trẻ bị bạo hành, xâm hại”, <https://nhandan.com.vn/baothoinay-xahoi-vande/ho-tro-tam-ly-tre-bi-bao-hanh-xam-hai-312287/>, truy cập ngày 13/04/2021.
17. UNICEF (2017), “Một gương mặt quen thuộc: bạo lực trong cuộc sống của trẻ em và trẻ vị thành niên”, <https://www.unicef.org/vietnam/vi/media/5661/file>, truy cập ngày 14/04/2021.
18. World Vision (2021), “Bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột tình dục qua môi trường mạng” (Tài liệu dành cho cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em, giáo viên và người chăm sóc trẻ), <http://tongdai111.vn/uploads/files/Ta%CC%80i%20lie%CC%A3%CC%82u%20BLTD%20qua%20ma%CC%A3ng%20da%CC%80nh%20cho%20phu%CC%A3%20huynh.pdf>, truy cập ngày 14/04/2021, truy cập ngày 27/6/2021.
19. Cha HI (2021), “년 아동·청소년 대상 디지털 성범죄 19.3% 증가”, http://www.mogef.go.kr/nw/enw/nw_enw_s001d.do?mid=mda700&bbtSn=709239, truy cập ngày 28/05/2021.
20. ECPAT International (2008), “Combating Child Sex Tourism: Questions & Answers”, https://www.ecpat.org/wp-content/uploads/legacy/cst_faq_eng.pdf, truy cập ngày 27/6/2021.
21. Hall M, & Hall J (2011), “The long-term effects of childhood sexual abuse: Counseling implications”, http://counselingoutfitters.com/vistas/vistas11/Article_19.pdf, truy cập ngày 16/05/2021.
22. Moon YS and Lee YM (2021), “성폭력 피해 지원’ 해바라기센터는 왜 문을 닫나?”, <https://news.kbs.co.kr/news/view.do?ncd=5138406&ref=A>, truy cập ngày 23/6/2021.
23. UNICEF (2016), “Online Child Sexual Abuse and Exploitation. Guidelines for the Adoption of National Legislation in Latin America”, https://cdn.icmec.org/wp-content/uploads/2020/09/Guidelines-for-Adoption-of-Natl-Legis-in-Latam_EN.pdf, truy cập ngày 14/04/2021.
24. Yon H (2016), “Sunflower Centers treat more than 20,000 sexual violence victims per year”, http://english.hani.co.kr/arti/english_edition/e_national/738148.html, truy cập ngày 03/04/2021.
25. UNICEF (2019), “Child Sexual Abuse: Recommended Reforms”, <https://thuvienso.quochoi.vn/handle/11742/51332>, truy cập ngày 15/4/2021.
26. UNICEF (2021), “Sexual abuse against children”, <https://www.unicef.org/protection/sexual-violence-against-children>, truy cập ngày 23/03/2021.
27. 국민리포터 아이앰피터 (2015), “아동 성범죄, 외국은 ‘사형’ 한국인 ‘집행유예’”, <http://www.gobalnews.com/news/articleView.html?idxno=16062>, truy cập ngày 29/05/2021.